



GIẢI PHÁP GIẢM TÌNH TRẠNG THẤT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN SAU KHI RA TRƯỜNG Ở ẤN ĐỘ VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

ThS. HOÀNG THỊ MINH ANH - NGUYỄN HOÀNG GIANG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

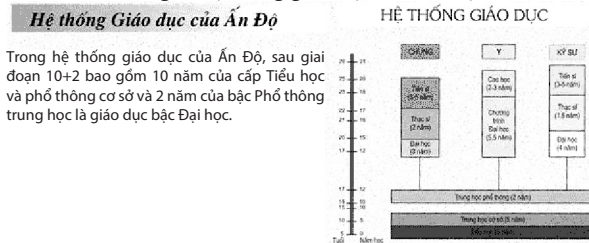
NGUYỄN HOÀNG MỸ ANH

Khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Ấn Độ có dân số đứng thứ hai trên thế giới với 1,027 tỉ người. Ấn Độ có hệ thống giáo dục đại học lớn thứ ba trên thế giới với 13 triệu sinh viên (SV). Ngôn ngữ chính là tiếng Hindi, tiếng Anh là phương tiện và ngôn ngữ chính để truyền đạt kiến thức. Ấn Độ phải đương đầu với áp lực mở rộng hệ thống giáo dục trong những thập kỉ tới và cam kết mở rộng cơ hội tiếp cận đại học. Ấn Độ xác định giáo dục đại học là công cụ chủ chốt cho phát triển kinh tế.

Bảng 1: Hệ thống giáo dục của Ấn Độ



Ngày nay, Ấn Độ được thừa nhận là cái nôi của nguồn nhân lực có kĩ năng, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Với một mạng lưới các trường đại học và cao đẳng bao gồm các học viện tiêu chuẩn quốc tế cung cấp chất lượng giáo dục tốt với chi phí học tập và sinh hoạt thấp, Ấn Độ đang nổi lên là một điểm du học hấp dẫn đối với SV quốc tế.

2. Giáo dục đại học ở Ấn Độ

Ấn Độ có mạng lưới các trường đại học mạnh với 251 trường đại học đa dạng và có bề dày truyền thống với các ngành học Kỹ thuật và Công nghệ, Khoa học vi tính, Công nghệ thông tin, Sinh học... Hệ thống các trường học tại Ấn Độ bao gồm 51 trường tương đương đại học, 161 trường đại học truyền thống, 34 trường đại học nông nghiệp (Lâm nghiệp/ngư nghiệp/thú y), 25 viện công nghệ và kĩ thuật như Học viện Công nghệ Ấn Độ, Học viện Khoa học Ấn Độ, 18 trường đại học y, 10 trường đại học mở, 8600 trường cao đẳng chung đào tạo y khoa và kĩ thuật.

Bằng cấp của Ấn Độ được quốc tế thừa nhận, hiện nay, các công ty hàng đầu trên toàn cầu đang tham gia ngày càng nhiều trong việc thu xếp việc làm cho các trường đại học Ấn Độ. Chất lượng giáo dục được đảm bảo bởi các cơ quan quốc gia, ví dụ như Ủy ban Chứng nhận Quốc gia (cho giáo dục kĩ thuật) và Ủy ban Đánh giá và Chứng nhận Quốc gia (cho giáo dục bậc cao) và Hiệp hội Các trường đại học của Ấn Độ (www.aiweb.org).

Các khóa học đại học thường bắt đầu vào tháng 7 và tháng 8 hàng năm và kết thúc vào tháng 3 và tháng 4 năm sau. Các khóa học sau đại học thuộc các ngành nghệ thuật và khoa học trong thời gian 2 năm; Y khoa trong thời gian 3 năm và công nghệ, kĩ thuật trong vòng 1 đến 1 năm rưỡi sẽ

được cấp bằng cao học. Riêng nghiên cứu sinh tối thiểu là 3 năm và có thể lên đến 5 năm tùy theo từng cá nhân.

Bên cạnh đó, các lợi thế gồm chi phí học tập rất rẻ, nền giáo dục với chất lượng cao, thủ tục nhập học và xin visa đơn giản, bằng cấp ở Ấn Độ được các nước trên thế giới công nhận... chính là yếu tố quan trọng thu hút SV các nước trên thế giới đến học tập. Mỗi năm, Ấn Độ đón hơn 10.000 SV quốc tế đến từ mọi miền trên thế giới.

Bảng 2: So sánh hệ thống giáo dục giữa Ấn Độ và Việt Nam

HỆ THỐNG GIÁO DỤC VIỆT NAM	ĐỘ TUỔI	HỆ THỐNG GIÁO DỤC ẤN ĐỘ
Tiểu học	6-11	1-5
Phổ thông cơ sở	12-15	6-11
Phổ thông trung học	16-18	12-15
Đại học	19-22	16-18
Thạc sĩ	23-25	19-22
Tiến sĩ	26-27	23-25

3. Giải pháp giảm tình trạng thất nghiệp của sinh viên sau khi ra trường ở Ấn Độ

Hầu hết các trường đại học trực thuộc các tiểu bang. Trong số đó có 24 trường đại học đặt dưới sự kiểm soát của chính phủ trung ương được cung cấp ngân sách tốt hơn và có chất lượng cao hơn những trường khác, nhưng không có khác biệt rõ ràng giữa những trường ấy. Ấn Độ có tổng số hơn 18.000 cơ sở đào tạo sau trung học - hơn 17.000 trong số này là những trường cao đẳng. Trong số này có một số trường đã tận dụng điều luật cho phép các trường cao đẳng chất lượng cao được tách ra khỏi các trường đại học bảo trợ và chủ động cấp bằng. Những trường đào tạo trình độ đại học, chủ yếu là đào tạo chuyên ngành, được Hội đồng Tài trợ Đại học (một tổ chức của chính phủ trung ương công nhận và do đó có quyền cấp bằng cử nhân).

Thêm vào đó, một số trường kĩ thuật khác được Hội đồng Đào tạo Kĩ thuật toàn Ấn Độ, một tổ chức khác của chính phủ trung ương công nhận và đánh giá. Ấn Độ

phát triển mạnh đào tạo nhằm đáp ứng việc đại chúng hóa và thỏa mãn nhu cầu nhân lực xã hội, những loại trường mới nhằm phục vụ một nền kinh tế đang ngày càng mở rộng. Trách nhiệm về giáo dục đại học được phân công cho nhiều tổ chức của nhà nước trung ương và của các tiểu bang (mỗi bang có những quan điểm và chính sách khác nhau). Nhiều năm qua, những nỗ lực cải cách giáo dục đại học đã mở thêm các trường mới như các viện công nghệ. Hiện nay có 13 trường và Viện Khoa học Quản lý Ấn Độ là những trường duy nhất có thể được xem gần như là những trường “đẳng cấp thế giới”. Bên cạnh các trường đại học truyền thống, Ấn Độ còn có một bộ phận nhỏ các trường kĩ thuật tinh hoa, có chất lượng cao và có uy tín rộng rãi. Các trường đại học truyền thống vẫn còn ở vị trí thấp hơn nhiều so với các tiêu chuẩn quốc tế.

Năm 2013, tỉ lệ thất nghiệp của SV tốt nghiệp đại học ở Ấn Độ là 18%, cao hơn những người tốt nghiệp trung học, thậm chí trung học cơ sở, số SV tốt nghiệp thất nghiệp tăng cao, cứ 3 người ở độ tuổi tới 29 thì có 1 người thất nghiệp. Sở dĩ có sự khác biệt này chính là do sự thiếu hụt kĩ năng của đa số SV Ấn Độ. Khi SV tốt nghiệp kêu thiếu việc làm thì các công ty ở Ấn Độ lại kêu thiếu nguồn nhân lực có kĩ năng tốt. Các chuyên gia phân tích rằng, nguyên nhân là do chất lượng đào tạo và SV thiếu về kĩ năng mềm khiến cho các trường đại học và cao đẳng ở Ấn Độ mỗi năm cho “ra lò” hàng triệu SV chỉ có bằng cấp mà chẳng nơi nào muốn nhận. Những kĩ năng mềm này hoàn toàn có thể dạy được trong nhà trường như: Giao tiếp trôi chảy bằng tiếng Anh, làm việc nhóm, thuyết trình, sử dụng các công cụ tìm kiếm trên mạng, phân tích vấn đề... thay vì học thuộc lòng bài giảng. Tuy nhiên, chỉ có khoảng vài nghìn SV đang theo học ở những trường “đẳng cấp” như Học viện Quản lý Ấn Độ hoặc Học viện Công nghệ Ấn Độ mới được trang bị những kĩ năng này. Gần 11 triệu SV thuộc 18.000 trường đại học và cao đẳng khác của Ấn Độ thì đều phải tiếp thu một nền giáo dục kém hơn, nặng về lí thuyết và yếu về kĩ năng.

Để giải quyết tình trạng thất nghiệp, nhà nước và các chuyên gia giáo dục Ấn Độ đã và đang đưa ra rất nhiều giải pháp, dưới đây là một số công bố các giải pháp:

Challa Ram Phani, giáo sư môn Giao tiếp kinh doanh thuộc Trường Kinh doanh Sujana (Ấn Độ) công bố danh sách 60 kĩ năng mềm: Cách giao tiếp hiệu quả thậm chí những kĩ năng cần thiết cho công việc như sắp xếp giấy tờ, trả lời điện thoại cho tới thuyết trình, làm việc nhóm hoặc thảo luận, tiếng Anh ...

Các trường đại học thành lập các trung tâm đào tạo kĩ năng mềm và tư vấn tìm việc cho SV trước khi tốt nghiệp. Những trung tâm này có sự đóng góp rất lớn của trường sở tại, của các tổ chức phi chính phủ, của hội SV và các nhà tài trợ là những công ty tuyển dụng, nhằm đào tạo nâng cao các kĩ năng cho SV trước khi ra trường theo yêu cầu hoặc đặt hàng của các nhà tuyển dụng.

Các cơ sở giáo dục thường cho SV sắp tốt nghiệp và đã tốt nghiệp, giáo dục thường xuyên, được thành lập để phục vụ cho nhu cầu nâng cao kiến thức và mở rộng cơ hội tìm việc làm. Sở Hướng nghiệp và Tư vấn (UGC) đang cung cấp hỗ trợ tài chính cho bộ phận này để tổ chức dạy nghề, nghiên cứu các hoạt động cộng đồng, hướng nghiệp và tư vấn. UGC đã tổ chức các chương trình đào tạo cho SV cao học, nghiên cứu, xuất bản các cuốn sách và bài viết. Để tổ chức các trại hướng nghiệp, dựa trên nhu cầu và lợi ích của SV, một vài nghiên cứu đã được tiến hành để hiểu rõ nhu cầu của SV các trường cao đẳng và đại học trong lĩnh

vực hướng nghiệp và tư vấn tìm việc làm. Mục tiêu để xác định định hướng nghề nghiệp của SV trong các trường đại học, để biết nhận thức của SV về các kĩ năng họ đang có, để tìm hiểu phương pháp hướng dẫn và tư vấn, đáp ứng nhu cầu của SV, cũng như tìm hiểu cảm nhận của SV về chương trình, để xuất các biện pháp để tăng cường các dịch vụ hướng nghiệp trong các trường cao đẳng, đại học.

Ấn Độ mở cửa hợp tác đào tạo với các trường đại học nước ngoài, mở cửa trong giáo dục đại học, mở cửa thị trường giáo dục đại học, cho các trường đại học nước ngoài và đẩy mạnh đầu tư tư nhân trong giáo dục đại học tại Ấn Độ. Sự tham gia của nước ngoài sẽ trợ giúp Ấn Độ nhanh chóng cải thiện sự lạc hậu trong giáo dục đại học, đáp ứng đào tạo ra đội ngũ trí thức có chất lượng toàn cầu hóa, nhằm nâng cao cơ hội tìm việc làm cho SV sau khi ra trường trong nước cũng như tại nước ngoài. Để giám sát tiêu chuẩn các trường đại học liên kết và các trường đại học có vốn đầu tư nước ngoài, hiệu quả các trường đại học này được các tổ chức kiểm định chất lượng của Ấn Độ giám sát và đánh giá.

4. Một số bài học kinh nghiệm

Việc mở cửa thị trường giáo dục đại học, cho các trường đại học nước ngoài và đẩy mạnh đầu tư tư nhân trong giáo dục đại học nhằm mục đích để nước ngoài sẽ trợ giúp Ấn Độ nhanh chóng cải thiện sự lạc hậu trong giáo dục đại học thì bên cạnh mặt tích cực của nó lại có mặt tiêu cực và yếu kém. Nguyên nhân là các nhà cung cấp dịch vụ giáo dục nước ngoài chỉ muốn thu lợi nhuận nhanh chóng bằng cách mở ra các ngành đào tạo thu hút được nhiều người học và không quá tốn kém. Có rất nhiều những chương trình liên kết hợp tác với nước ngoài trong các ngành Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh và những ngành liên quan. Phần lớn các nhà cung cấp dịch vụ giáo dục nước ngoài này không phải là các trường đỉnh mà là các trường ở hạng trung, hạng thấp ở nước họ. Một số trường gặp khó khăn về tài chính hoặc về việc tuyển sinh và muốn giải quyết những vấn đề này bằng cách mở chi nhánh đào tạo ở nước ngoài. Một số khác là những trường “dưới đáy”, những trường sẽ mang đến thứ sản phẩm giáo dục dưới chuẩn cho Ấn Độ.

Các nhà cung cấp dịch vụ giáo dục nước ngoài vì lí do chỗ ăn ở và thuyết phục giảng viên có tiếng của nước ngoài sang Ấn Độ giảng dạy rất tốn kém và khó khăn nên thường kết thúc vấn đề bằng cách thuê mướn giảng viên tại chỗ để dạy. Đối với người Ấn, học trong một trường gần giống trường nước ngoài với những giảng viên địa phương có thể xem là đủ, SV sẽ kết thúc việc học với tấm bằng nước ngoài nhưng không có nhiều trải nghiệm quốc tế. Điều quan trọng là nếu một trường nước ngoài không kiểm được lợi nhuận một cách nhanh chóng, họ sẽ rút lui rất nhanh hoặc sẽ giảm chi phí bằng cách hạ thấp chất lượng.

Các cơ quan kiểm định chất lượng của Ấn Độ thực hiện chức năng của họ không hiệu quả vì phải giám sát và đánh giá vô số những chương trình hợp tác liên kết đào tạo với nước ngoài có lẽ là một nhiệm vụ vượt quá năng lực của hệ thống kiểm định này.

Bộ trưởng Sibal đã nói rất đúng rằng, Ấn Độ không thể mãi mãi đóng chặt cánh cửa thị trường đào tạo. Ấn Độ, nói cho cùng, ngày càng trở thành một phần trọng yếu của thế giới toàn cầu hóa. Tuy vậy, mở cửa một cách nhanh chóng và chưa có chế tài quản lí chặt chẽ sẽ là một sai lầm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. K. Sudha Rani, *Khoa Giáo dục thường xuyên và giáo dục cho bậc trưởng thành*, Trường Đại học Sri Venkateswara,



Tirupati, Andhra Pradesh, Ấn Độ, 517 502.

[2]. T. Ananda, *Khoa Kinh tế*, Trường Đại học Sri Venkateswara, Tirupati, Andhra Pradesh, Ấn Độ, 517 502.

[3]. M. Krishnaveni, *Khoa Lịch sử*, Đại học Sri Venkateswara, Tirupati, Andhra Pradesh, Ấn Độ, 517 502.

SUMMARY

Today, India has been recognized as the cradle of skilled human resources, particularly in the field of science and technology. With a network of universities and colleges,

including the international standards institutes, provide good quality education with low cost of living and learning, India was emerged as an attractive study destination for international students. The article discussed about higher education system in India, suggested solutions to reduce students' unemployment after graduation and withdrew lessons-learned in higher education issues.

Keywords: Solutions; unemployment; India; lessons-learned.

VỀ CƠ CẤU KHUNG CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC... (Tiếp theo trang 3)

kiến thức phổ thông tức chuyển từ 9 năm sang 10 năm. Chỉ cần 2 năm còn lại ở bậc THPT để tập trung vào mục đích phân hóa sâu trong học tập.

Việc thay đổi từ hệ 9 năm sang hệ 10 năm có thể là theo phân bố (6+4) hoặc (5+5) chắc chắn sẽ tạo nên những khó khăn, đặc biệt là việc chuẩn bị đội ngũ giáo viên, xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng chương trình sách giáo khoa, các chế độ, chính sách... hoặc có thể là những băn khoăn, phản ứng của HS, phụ huynh... Tuy nhiên, những khó khăn trên có thể khắc phục được vì đã có kinh nghiệm trong các lần điều chỉnh GD, thêm nữa nếu có đủ thời gian để chủ động chuẩn bị cho sự thay đổi đó.

Sau THCS có phân luồng hợp lí (theo học nghề hoặc học tiếp lên THPT). Nếu giai đoạn GD cơ bản là 10 năm thì sau khi học xong HS sẽ tròn 16 tuổi, có thể tham gia học nghề từ 1-2 năm hoặc tham gia ngay vào thị trường lao động hay tiếp tục học THPT. Độ tuổi 16 phù hợp hơn so với độ tuổi 15 trong phân luồng sau GD cơ bản. Có thể có 3 loại hình trường THPT: Trường THPT, trường THPT chuyên/nâng cao và trường THPT nghề. Loại hình trường trung học nghề cần được phát triển dần về số lượng chiếm tỉ lệ cao trong các loại trường THPT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (1995), *Năm mươi năm phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo (1945- 1995)*, NXB Giáo dục.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kiểm yếu "Cơ cấu hệ thống giáo dục phổ thông Việt Nam"*, Hà Nội, tháng 4 năm 2012.

3. Phạm Minh Hạc, (2010), *Một số vấn đề giáo dục Việt nam đầu thế kỉ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4. Vũ Ngọc Hải, (2013), *Quản lí nhà nước hệ thống giáo*

dục Việt Nam trong đổi mới căn bản, toàn diện và hội nhập quốc tế, NXB Giáo dục Việt Nam.

5. Trần Thị Phương Hoa, (2012), *Giáo dục Pháp * Việt ở Bắc Kỳ 1884-1945*, NXB Khoa học Xã hội.

6. Phan Văn Kha, (2010), *Đổi mới hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam*, Báo cáo tổng kết đề tài mã số B2008-3769NV.

7. Bùi Đức Thiệp, (2011), *Hệ thống giáo dục Miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975*, Báo cáo tổng kết đề tài B2009-37-74.

8. <http://data.uis.unesco.org/Index.aspx?queryid=219>

9. <http://inca.org.uk>

10. <http://www.nier.go.jp>.

SUMMARY

The general educational system is a sub-system of the national education system. The training process operated in the general educational system DPT includes different stages, each level is a stage targeted and specific training plan in order to achieve certain level of scientific culture, skills, qualities as well as professional knowledge to students. Each stage functions to prepare students for life and product for the next stage. The paper addresses the issue of frame structure in general educational system in Vietnam. In the article, the author presents: 1 /briefly introducing of general educational system; 2 /Criteria for an appropriate education system in trend of times and operate effectively; 3/Trend to develop general educational system in the world; 4/The situation of developing and improving the general educational system in Vietnam; 5/Recommend its frame structure in the future.

Keywords: Education; frame structure; educational system; general educational system; national education.

LỜI CẢM ƠN

Tất cả các bài viết đăng trên Tạp chí Khoa học Giáo dục Số 127 đều được phản biện kín theo một quy trình rất chặt chẽ, khách quan.

Bên cạnh sự giúp đỡ của Hội đồng Biên tập, Tạp chí Khoa học Giáo dục xin trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực nghiên cứu khoa học của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, bao gồm: **PGS.TS. Nguyễn Tiến Hùng; PGS.TS. Đào Thái Lai; PGS.TS. Phan Văn Nhân; PGS.TS. Nguyễn Đức Quang; TS. Lương Việt Thái; PGS.TS. Vương Thanh Hương; TS.Vương Hồng Tâm; TS. Nguyễn Thị Phương Thảo; TS. Nguyễn Hồng Thuận; TS. Nguyễn Thị Hồng Vân; TS. Phạm Thị Bích Đào** đã rất nhiệt tình giúp đỡ về mặt nội dung để Tạp chí Khoa học Giáo dục xuất bản thành công số báo này.

Trân trọng!